

PHỤ LỤC:

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÚNG/ PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VỚI NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH
ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC**

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học						Ghi chú
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	
1	Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, mã số: 60620115 (Thuộc lĩnh vực Nông nghiệp)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp	Không BSKT	- Kinhdoanh - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm - Kế toán – Kiểm toán - Quản trị, quản lý - Các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế học, nông nghiệp có chương trình đào tạo ĐH khác biệt không quá 40% so với chương trình của trường ĐH KT&QTKD- ĐH Thái Nguyên.	1. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (2TC) 2. Phát triển nông thôn (2TC) 3. Phân tích chính sách nông nghiệp (2TC)			
				- Các ngành gần thuộc khối ngành nông nghiệp (Khuyến nông, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Nông học, Trồng trọt, Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Đất và dinh dưỡng cây trồng, Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp, Tưới tiêu cho cây trồng, Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước, Chăn nuôi động vật, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, Di truyền và	1. Kinh tế học vi mô 1 (3TC) 2. Kinh tế học vĩ mô 1 (3TC) 3. Nguyên lý thống kê (3TC) 4. Kinh tế môi trường (2TC) 5. Kinh tế phát triển (2TC) 6. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (2TC) 7. Phát triển nông thôn (2TC) 8. Phân tích chính sách nông nghiệp (2TC)			

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học						Ghi chú
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	
				chọn giống vật nuôi				
2	Chuyên ngành: Quản lý kinh tế, mã số: 60340410 (Thuộc lĩnh vực Quản trị - Quản lý)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Quản lý kinh tế	Không BSKT	- Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý và Quản trị văn phòng) - Kinh doanh - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm - Kế toán – Kiểm toán - Các ngành thuộc khối ngành kinh tế học có chương trình đào tạo ĐH khác biệt không quá 40% so với chương trình của trường ĐH KT&QTKD- ĐH Thái Nguyên.	1. Quản lý kinh tế (3TC) 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2TC) 3. Chính sách kinh tế xã hội (2TC)	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nghệ thuật - Nhân văn - Khoa học xã hội và Hành vi - Báo chí và Thông tin - Pháp luật - Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Toán và thống kê - Máy tính và Công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thú y - Sức khỏe - Dịch vụ vận tải - Môi trường và Bảo vệ môi trường - An ninh, Quốc phòng	1. Quản lý kinh tế (3TC) 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2TC) 3. Chính sách kinh tế xã hội (2TC) 4. Quản lý tài chính công (2TC) 5. Kinh tế nguồn nhân lực 1 (2TC) 6. Kinh tế vi mô 1 (3TC) 7. Kinh tế vĩ mô 1 (3TC) 8. Luật kinh tế (3TC) 9. Quản trị học (2TC) 10. Nguyên lý thống kê (3TC)	

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học						Ghi chú
		Ngành đúng/phù hợp	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành gần	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	Ngành khác	Học phần bổ sung trình độ ĐH (Tên, số tín chỉ/tiết)	
3	Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, mã số: 60340102 (Thuộc lĩnh vực Kinh doanh)	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Quản trị kinh doanh	Không BSKT	- Kinh doanh - Quản trị, quản lý	1. Quản trị chiến lược (3TC) 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3TC) 3. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nghệ thuật - Nhân văn - Khoa học xã hội và Hành vi - Báo chí và Thông tin - Pháp luật - Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Toán và thống kê - Máy tính và Công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thú y - Sức khỏe - Dịch vụ vận tải - Môi trường và Bảo vệ môi trường - An ninh, Quốc phòng	1. Quản trị chiến lược (3TC) 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3TC) 3. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC) 4. Quản trị nhân lực (3TC) 5. Quản trị sản xuất 1 (3TC) 6. Quản trị chất lượng (3TC) 7. Quản trị tài chính (3TC) 8. Quản trị Marketing (3TC) 9. Quản trị dự án (3TC)	